TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CTCP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

Hàn Nội – Tháng 8 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 -11
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 51

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cơ khí xây dựng - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét.

CÔNG TY

Tổng Công ty Cơ khí xây dựng (sau đây gọi tắt là "Tổng công ty") được thành lập theo Quyết định số 993/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại các Đơn vị của Liên hiệp các Xí nghiệp Cơ khí Xây dựng thuộc Bộ Xây dựng. Theo Quyết định số 94/TĐSĐ-HĐQT ngày 30/6/2010 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Sông Đà, Tổng Công ty Cơ khí xây dựng chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty TNHH Một thành viên. Theo Quyết định số 915/QĐ-BXD ngày 18/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thì quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Cơ khí xây dựng được chuyển giao từ Tập đoàn Sông Đà về Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2368/QĐ-TTg ngày 23/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển thành Công ty Cổ phần Công ty mẹ - Tổng Công ty Cơ khí xây dựng và Quyết định số 863/QĐ-BXD ngày 01/9/2016 về việc điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ trong Phương án cổ phần hóa.

Tổng Công ty Cơ khí xây dựng - Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106553 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/11/2010. Thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 5 ngày 08/11/2016 về việc chuyển Công ty TNHH MTV thành Công ty Cổ phần và đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 7 ngày 28/03/2023.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 28/03/2023 là 238.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám tỷ, năm trăm triệu đồng*).

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã chứng khoán TCK.

Địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty: Số 125D Minh Khai, Phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Nam Hải	Chủ tịch
Ông Đào Đức Thọ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên
Ông Vũ Xuân Thắng	Thành viên
Ông Lê Thế Thủy	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Sơn	Trưởng ban
Bà Đinh Thị Hương	Thành viên
Bà Vũ Thị Thủy	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đào Đức Thọ	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thế Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hướng Dương	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các Chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0100106553 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG
Q. HAI BÀ TRƯNG - T.P HÀ NỘI

Đào Đức Thọ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

CPA VIETNAM
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
+84 (24) 3 783 2121 info@cpavietnam.vn
+84 (24) 3 783 2122 www.cpavietnam.vn

INPACT MEMBER

Số: 374/2025/BCSXHN-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cơ khí xây dựng - CTCP

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cơ khí xây dựng - CTCP được lập ngày 26/8/2025, từ trang 07 đến trang 51, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30/06/2025, các Công ty con của Công ty chưa thực hiện kiểm kê và đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho với tổng số tiền 14,8 tỷ đồng (tại Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy điện nước là 10,6 tỷ đồng, tại Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai là 1,8 tỷ đồng, tại Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình 1,2 tỷ đồng, tại Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc là 1,2 tỷ đồng). Với các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thể xác định được tính hiện hữu và dự phòng giảm giá của số dư các khoản mục trên tại ngày 30/06/2025 và ngày 01/01/2025, cũng như đánh giá ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về số dư các khoản nợ phải thu của Tổng Công ty và các Công ty con tại ngày 30/06/2025 là 83,3 tỷ đồng (Tại 01/01/2025 là 82,2 tỷ đồng), nợ phải trả tại ngày 30/06/2025 là 36,6 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2025 là 36,6 tỷ đồng). Đồng thời, Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy điện nước, Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai - Công ty con của Tổng Công ty chưa xử lý tài sản thiếu với giá trị tại ngày 30/06/2025 và 01/01/2025 số tiền 2,1 tỷ đồng. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Cơ sở của kết luận kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.14 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tại ngày 30/06/2025 Công ty con của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc đã ghi nhận tiền chậm nộp thuế, truy thu thuế và tiền phạt vi phạm hành chính của nhiều năm vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn và chưa hạch toán vào chi phí trong kỳ với số tiền là 8.973.730.265 đồng. Nếu ghi nhận đúng theo chế độ kế toán, chỉ tiêu "Chi phí trả trước dài hạn" và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/6/2025 của Tổng công ty sẽ giảm đi và các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ "Chi phí khác" sẽ tăng lên, "Lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ giảm đi tương ứng số tiền 8.973.730.265 đồng.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.18 - Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và Dịch vụ Phát triển Nông thôn - Công ty con của Tổng Công ty nhận được các thông báo liên quan đến tiền sử dụng đất của "Dự án Khu nhà ở Decoimex mở rộng tại phường 6 và phường 9, thành phố Vũng Tàu" của chi cục thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo về số tiền sử dụng đất phải nộp đến ngày 28/02/2025 là 134.969.590.675 VND và tiền chậm nộp là 127.683.442.991 VND đồng. Công ty chưa chấp nhận số liệu trên của Chi cục thuế địa phương do Chi cục thuế đã tính tiền sử dụng đất trên cả phần diện tích công cộng. Công ty đã có văn bản gửi đến cơ quan thuế nhưng chưa nhận được phản hồi. Theo đó, các số liệu liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 có thể bị thay đổi theo Quyết định cuối cùng của Cơ quan thuế. Với những tài liệu Công ty cung cấp, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không. Đồng thời, chúng tôi cũng không thể xác định được tính đúng đắn của hàng tồn kho, tài sản cố định, các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, trả trước cho người bán, phải thu ngắn hạn khác, người mua trả tiền trước ngắn hạn tại thời điểm 30/6/2025 của Công ty.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4, bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tại ngày 30/6/2025, các khoản nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 242.793.302.110 VND. Trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 30/6/2025 là 284.388.908.219 VND, dẫn đến thâm hụt vốn chủ sở hữu 39.207.866.171 VND. Hoạt động của Tổng Công ty phụ thuộc vào khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng công ty. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng công ty.

Trong kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2025, một số Công ty con - Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy điện nước, Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai và Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu dịch vụ và Phát triển nông thôn đã nhận được quyết định của Cục thuế tại Hà Nội và Cục thuế các địa phương về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn. Đến ngày phát hành báo cáo này, việc cưỡng chế này vẫn đang được thi hành.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần ngày 08/11/2016. Đến thời điểm phát hành Báo cáo soát xét này, công tác bàn giao phần vốn Nhà nước của Tổng Công ty tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần chưa được hoàn thành. Do vậy, số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến quyết toán cổ phần hóa từ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề trên.

M.S.D.N: 0101917917
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Nguyễn Thị Mai Hoa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1
Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ/CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐTV
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

	TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=100+120+130+140+150)**	**100**		**598.934.554.046**	**629.590.666.661**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5.1**	**14.117.726.048**	**9.995.041.321**
1.	Tiền	111		9.215.726.048	9.995.041.321
2.	Các khoản tương đương tiền	112		4.902.000.000	-
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	**5.2**	**2.579.716.833**	**2.543.233.624**
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.579.716.833	2.543.233.624
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**224.577.861.371**	**258.145.723.753**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	225.915.073.403	223.959.230.117
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	25.333.191.170	23.617.410.603
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		370.000.000	420.000.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	150.199.567.913	187.389.054.148
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(179.306.814.909)	(179.306.814.909)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.6	2.066.843.794	2.066.843.794
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**5.8**	**342.137.458.078**	**345.151.099.543**
1.	Hàng tồn kho	141		342.672.912.085	345.686.553.550
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(535.454.007)	(535.454.007)
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**15.521.791.716**	**13.755.568.420**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.14	3.189.597.358	164.608.475
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.585.856.401	11.046.972.791
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.17	2.746.337.957	2.543.987.154
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)**	**200**		**267.499.412.199**	**268.035.524.989**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**-**	**902.308.859**
6.	Phải thu dài hạn khác	216	5.5	-	902.308.859
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**221.174.640.773**	**226.332.653.698**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	198.251.715.152	203.385.359.381
	- *Nguyên giá*	*222*		*406.132.853.936*	*406.501.169.153*
	- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(207.881.138.784)*	*(203.115.809.772)*
3.	Tài sản cố định vô hình	227	5.10	22.922.925.621	22.947.294.317
	- *Nguyên giá*	*228*		*28.827.587.580*	*28.827.587.580*
	- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(5.904.661.959)*	*(5.880.293.263)*
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**	**5.11**	**500.857.746**	**500.857.746**
1.	Nguyên giá	231		1.743.917.180	1.743.917.180
2.	Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.243.059.434)	(1.243.059.434)
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**3.322.693.629**	**3.322.693.629**
1.	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	5.12	2.598.766.083	2.598.766.083
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	723.927.546	723.927.546
V.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**5.13**	**13.817.245.607**	**24.055.467.532**
2.	Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		11.487.105.262	11.487.105.262
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.465.047.311	13.703.269.236
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.134.906.966)	(1.134.906.966)
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**28.683.974.444**	**12.921.543.525**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	5.14	28.683.974.444	12.921.543.525
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**866.433.966.245**	**897.626.191.650**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

	NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
C-	**NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)**	**300**		**902.765.225.094**	**935.834.712.145**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**841.727.856.156**	**880.434.068.964**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	99.878.077.039	109.781.106.789
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	167.452.150.586	170.387.866.977
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	105.205.941.881	102.176.579.665
4.	Phải trả người lao động	314		4.978.913.445	10.583.053.819
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	174.678.846.805	181.922.159.369
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		33.129.474.239	9.470.925.360
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	158.261.970.028	191.043.818.416
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	97.467.225.938	104.383.708.499
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		526.355.682	539.969.682
12.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		148.900.513	144.880.388
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**61.037.368.938**	**55.400.643.181**
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	5.18	3.085.652.625	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	1.047.272.769
7.	Phải trả dài hạn khác	337	5.19	10.591.456.000	10.136.464.408
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20	47.360.260.313	43.848.676.711
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	368.229.293
D-	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)**	**400**		**(36.331.258.849)**	**(38.208.520.495)**
I-	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**5.21**	**(39.207.866.171)**	**(41.085.127.817)**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		238.500.000.000	238.500.000.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*238.500.000.000*	*238.500.000.000*
5.	Chênh lệch đánh giá tài sản	416		(6.603.261.351)	(6.603.261.351)
7.	Quỹ đầu tư phát triển	418		7.264.315.227	7.255.895.251
8.	Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	419		-	2.946.368.209
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(284.388.908.219)	(286.136.930.351)
-	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*(288.047.476.698)*	*(329.457.904.117)*
-	*LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*3.658.568.479*	*43.320.973.766*
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		64.000.000	64.000.000
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.955.988.172	2.888.800.425
II-	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		**2.876.607.322**	**2.876.607.322**
1.	Nguồn kinh phí	432		2.876.607.322	2.876.607.322
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**866.433.966.245**	**897.626.191.650**

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Kiều Thị Nguyệt Nga	Nguyễn Ngọc Hải	Đào Đức Thọ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		131.211.356.935	96.361.780.460
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	131.211.356.935	96.361.780.460
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	101.100.797.711	72.244.791.136
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	**20**		**30.110.559.224**	**24.116.989.324**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.428.914.887	2.025.185.416
7. Chi phí tài chính	22	6.4	4.991.640.154	6.644.593.822
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*4.991.640.154*	*6.642.916.633*
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	891.979.426	1.034.015.744
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	19.471.213.877	17.266.673.799
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	**30**		**7.184.640.654**	**1.196.891.375**
12. Thu nhập khác	31	6.6	871.404.456	628.237.440
13. Chi phí khác	32	6.6	3.167.113.383	2.276.500.713
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	**40**	**6.6**	**(2.295.708.927)**	**(1.648.263.273)**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	**50**		**4.888.931.727**	**(451.371.898)**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	382.020.340	97.295.472
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	**60**		**4.506.911.387**	**(548.667.370)**
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		3.658.568.479	945.311.607
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		848.342.908	(1.493.978.977)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**6.8**	**153**	**38**

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Kiều Thị Nguyệt Nga	Nguyễn Ngọc Hải	Đào Đức Thọ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. *Lợi nhuận trước thuế*	**01**		**4.888.931.727**	**(451.371.898)**
2. *Điều chỉnh cho các khoản*				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		5.781.603.407	3.241.969.977
- Các khoản dự phòng	03		(13.614.000)	(471.663.220)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.428.914.887)	(2.084.340.759)
- Chi phí lãi vay	06		4.991.640.154	6.642.916.633
3. *Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*	**08**		**13.219.646.401**	**6.877.510.733**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		35.678.936.828	3.712.226.136
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.013.641.465	(50.232.388.318)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(32.252.573.869)	17.529.110.352
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(18.787.419.802)	(1.055.537.920)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.171.602.003)	(4.132.604.286)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.229.140.813)	(3.583.231.202)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(28.873.341)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(4.557.385.134)**	**(30.884.914.505)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(595.684.783)	(429.143.628)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	59.208.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(36.483.209)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		50.000.000	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		12.316.373.663	2.608.903.664
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		350.763.149	164.671.416
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**12.084.968.820**	**2.403.639.634**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		64.990.548.007	80.898.110.287
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(68.395.446.966)	(53.275.715.860)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(3.404.898.959)**	**27.622.394.427**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**4.122.684.727**	**(858.880.444)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**5.1**	**9.995.041.321**	**16.511.359.595**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**5.1**	**14.117.726.048**	**15.652.479.151**

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Kiều Thị Nguyệt Nga	Nguyễn Ngọc Hải	Đào Đức Thọ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cơ khí xây dựng (sau đây gọi tắt là "Tổng công ty") được thành lập theo Quyết định số 993/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại các Đơn vị của Liên hiệp các Xí nghiệp Cơ khí Xây dựng thuộc Bộ Xây dựng. Theo Quyết định số 94/TĐSĐ-HĐQT ngày 30/6/2010 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Sông Đà, Tổng Công ty Cơ khí xây dựng chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty TNHH Một thành viên. Theo Quyết định số 915/QĐ-BXD ngày 18/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thì quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Cơ khí xây dựng được chuyển giao từ Tập đoàn Sông Đà về Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2368/QĐ-TTg ngày 23/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển thành Công ty Cổ phần Công ty mẹ - Tổng Công ty Cơ khí xây dựng và Quyết định số 863/QĐ-BXD ngày 01/9/2016 về việc điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ trong Phương án cổ phần hóa.

Tổng Công ty Cơ khí xây dựng - Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106553 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/11/2010. Thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 5 ngày 08/11/2016 về việc chuyển Công ty TNHH MTV thành Công ty Cổ phần và đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 7 ngày 28/03/2023.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 28/03/2023 là 238.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám tỷ, năm trăm triệu đồng).

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã chứng khoán TCK.

Địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty: Số 125D Phố Minh Khai, Phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội.

Tổng số lao động của Công ty mẹ và các Công ty con tại ngày 30/6/2025 là 362 lao động (tại ngày 01/01/2025 là 367 lao động).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Kinh doanh bất động sản;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho cán bộ, công nhân kỹ thuật các chuyên ngành cơ khí, xây dựng;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ cho thuê nhà, văn phòng làm việc;
- Thẩm tra thiết kế, tư vấn đấu thầu và thiết kế, thi công xây lắp, cung cấp vật tư, thiết bị, quản lý dự án;
- Giám sát thi công xây dựng công trình đương bộ, lĩnh vực chuyên môn giám sát xây dựng và hoàn thiện;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện;
- Giám sát lắp đặt hệ thống điện các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế hệ thống điện cho các công trình: dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Tư vấn đầu tư và xây dựng các dự án phát triển cơ khí, vật liệu xây dựng, điện, hạ tầng viễn thông, dầu khí, các dự án công nghiệp, dân dụng, hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, bao gồm: Lập và thẩm tra dự án đầu tư;
- Thi công xây lắp công trình công nghiệp dân dụng giao thông (đường bộ, đường sắt, bến cảng), thủy lợi (công trình trạm bơm, kênh mương, đê kè, hồ đập), cấp thoát nước, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; thi công các hệ thống điện công nghiệp, điện điều khiển và điện dân dụng, công trình đường dây và trạm biến thế điện;
- Thi công lắp đặt các dây chuyền thiết bị đồng bộ;
- Dịch vụ vận tải, xếp dỡ;
- Sản xuất vật liệu cho ngành điện, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất dây chuyền thiết bị đồng bộ, vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, công cụ, phụ kiện, các sản phẩm phục vụ ngành xây dựng, điện, giao thông vận tải, thủy lợi, khai thác mỏ và các ngành kinh tế kỹ thuật khác;
- Sản xuất, phân phối điện;
- Kinh doanh dây chuyền thiết bị đồng bộ, vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, công cụ, phụ kiện, các sản phẩm phục vụ ngành xây dựng, điện, giao thông vận tải, thủy lợi, khai thác mỏ và các ngành kinh tế kỹ thuật khác;
- Giáo dục mầm non;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp./.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ: Xây lắp hạ tầng và cho thuê văn phòng.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2025, Công ty có các Công ty con, liên doanh, liên kết và các đơn vị phụ thuộc như sau:

Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết
Đầu tư vào Công ty con				
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)	Bắc Ninh	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	51,38%	51,38%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (COMA 16)	Hưng Yên	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	53,61%	53,61%
Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai	Hà Nội	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại (Khóa cửa, tiểu ngũ kim, kết cấu thép và các phụ kiện cơ khí khác)	67,47%	67,47%
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước (COMAEL)	Hà Nội	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	51,54%	51,54%
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư và thiết bị số 27 (Coma 27)	Hà Nội	Xây dựng nhà để ở	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và dịch vụ phát triển nông thôn	Thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	100,00%	100,00%
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết				
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17)	Thanh Hoá	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	48,39%	48,39%
Công ty TNHH Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	Hà Nội	Sản xuất đồng hồ	31,00%	31,00%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Đầu tư xây dựng số 9	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại	20,00%	20,00%

Các đơn vị phụ thuộc tính đến ngày 30/6/2025 gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
COMA 1 - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí xây dựng (*)	Tổ dân phố 4, Phường Xuân Phương, TP. Hà Nội
COMA 15 - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí xây dựng	Tầng 09 tòa nhà COMA, 125D Minh Khai, Phường Bạch Mai, TP. Hà Nội
Trung tâm Xuất nhập khẩu - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí xây dựng (**)	Tầng 13 tòa nhà COMA, 125D Minh Khai, Phường Bạch Mai, TP. Hà Nội
Nhà máy cơ khí Quang Minh - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí xây dựng	Lô 4 Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, TP. Hà Nội

(*) Nghị quyết số 46/NQ-HĐQT ngày 22/8/2022 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cơ khí xây dựng - CTCP đã thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động COMA1 - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí xây dựng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Coma 1 đã ngừng hoạt động và đã có thông báo thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của Cục thuế Hà Nội.

(**) Quyết định số 10/QĐ-HĐQT ngày 08/4/2024 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cơ khí xây dựng - CTCP đã thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động Trung tâm Xuất nhập khẩu - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí xây dựng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Trung tâm Xuất nhập khẩu đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kết thúc ngày 30/6/2025 của Công ty mẹ là Tổng Công ty Cơ khí xây dựng - CTCP, các Công ty con là Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2), Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (COMA 16), Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai, Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước (COMAEL), Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư và thiết bị số 27 (Coma 27), Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và dịch vụ phát triển nông thôn.

Quyết toán cổ phần hóa

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 08/11/2016. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/6/2025 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến quyết toán cổ phần hóa do Tổng Công ty chưa nhận được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần từ các cơ quan có thẩm quyền.

Đề án cơ cấu lại Tổng Công ty giai đoạn 2021-2025

Theo Văn bản số 2536/BXD-KHTC ngày 16/6/2023 của Bộ Xây dựng đã chấp thuận để Người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng Công ty biểu quyết thông qua Đề án cơ cấu lại Tổng Công ty Cơ khí xây dựng - CTCP giai đoạn 2021- 2025, theo đó:

- Thực hiện thoái vốn toàn bộ vốn nhà nước tại Tổng Công ty trong giai đoạn 2024-2025.

- Tiếp tục duy trì sở hữu vốn của Tổng Công ty tại các Công ty: Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và dịch vụ phát triển nông thôn - Decoimex (100%); Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh Vật tư thiết bị - COMA27 (100%); Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai (67,47%); Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình - COMA16 (53,61%); Công ty Cổ phần Cơ khí xây lắp và lắp máy điện nước - COMAEL (51,54%); Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng số 2 Hà Bắc - COMA2 (51,38%); Công ty liên doanh đồng hồ nước ZENNER - COMA (31%).

- Thoái toàn bộ vốn của Tổng Công ty tại 09 Công ty con, Công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính: Công ty Cổ phần Cơ khí và xây lắp Sông Chu - COMA17 (51,39%); Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 5 - COMA5 (3,19%); Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Đại Mỗ - COMA6 (6%); Công ty Cổ phần Cơ khí và Đầu tư xây dựng số 9 - COMA9 (20%); Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng số 10 – COMA10 (5%); Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng và phát triển cơ khí - COMAENG (5%); Công ty Cổ phần Xây lắp và thương mại COMA25 (4,69%); Công ty Cổ phần thủy điện Hương Sơn (0,42%).

- Đến thời điểm ngày 26/8/2025, Tổng Công ty đã thực hiện thoái toàn bộ vốn tại COMA5 (3,19%); COMA6 (6%), Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA 25 (4,69%) và một phần vốn góp tại COMA17 theo đó giảm tỷ lệ sở hữu tại COMA 17 từ 51,39% xuống 48,39%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 30/6/2025, các khoản nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 242.793.302.110 VND. Trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Tổng Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 30/6/2025 là 284.388.908.219 VND, dẫn đến thâm hụt vốn chủ sở hữu 39.207.866.171 VND. Hoạt động của Tổng Công ty phụ thuộc vào khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Tổng Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Tổng Công ty tăng cường trong công tác tìm kiếm việc làm, khai thác kinh doanh dịch vụ để tăng doanh thu. Tích cực làm việc với khách hàng thanh quyết toán một số công trình tồn đọng cũ thu hồi công nợ hoàn nhập số đã trích lập dự phòng để giảm chi phí.
- Tổng Công ty đang thực hiện việc thoái vốn các khoản đầu tư có nguồn thu để nộp thuế dẫn đến không phát sinh tiền chậm nộp giảm chi phí và tăng lợi nhuận để bù đắp dần số âm vốn chủ sở hữu.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với doanh nghiệp hoạt động thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa).

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	02 - 50
Máy móc, thiết bị	02 - 11
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là phần mềm kế toán được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là phần diện tích Nhà cửa vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	07 - 10

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, cung cấp dịch vụ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh cung cấp dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp, hoạt động cung cấp dịch vụ, bán hàng, gia công lắp đặt và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	3.173.957.773	3.948.740.382
Tiền gửi ngân hàng	6.041.768.275	6.046.300.939
Các khoản tương đương tiền	4.902.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng	*4.902.000.000*	-
Tổng	**14.117.726.048**	**9.995.041.321**

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	**2.579.716.833**	**2.579.716.833**	**2.543.233.624**	**2.543.233.624**
Tiền gửi có kỳ hạn	2.579.716.833	2.579.716.833	2.543.233.624	2.543.233.624
Tổng	**2.579.716.833**	**2.579.716.833**	**2.543.233.624**	**2.543.233.624**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.3 Phải thu của khách hàng

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	**225.915.073.403**	**223.959.230.117**
Tổng thầu (EPC) liên danh nhà thầu SINOMA - BAT (i)	34.472.561.394	34.472.561.394
Phải thu các đối tượng khác	191.442.512.009	189.486.668.723
Tổng	**225.915.073.403**	**223.959.230.117**
Trong đó:		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	***16.249.838***	***17.449.928***
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)		

(i): Tại thời điểm ngày 30/6/2025, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi khoản công nợ này với số tiền 34.472.561.394 VND.

5.4 Trả trước cho người bán

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	**25.333.191.170**	**23.617.410.603**
Công ty cổ phần Cơ khí Xây lắp điện và Phát triển Hạ tầng	4.101.685.856	4.101.685.856
Công ty Cổ phần COMA 18	3.482.461.246	3.482.461.246
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 26 - COMA26	2.728.980.688	3.480.301.268
Các khoản trả trước cho người bán khác	15.020.063.380	12.552.962.233
Tổng	**25.333.191.170**	**23.617.410.603**
Trong đó:		
Trả trước người bán là các bên liên quan	***10.000.000***	-
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.5 Phải thu khác

	30/06/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	**150.199.567.913**	**(81.164.172.500)**	**187.389.054.148**	**(82.014.172.500)**
- Phải thu khác	127.640.710.589	(75.841.221.053)	164.067.158.871	(76.691.221.053)
+ Công ty Cơ khí và Xây lắp số 7 (COMA7)	*36.142.164.150*	*(36.142.164.150)*	*36.992.164.150*	*(36.992.164.150)*
+ Công ty CP xây dựng và lắp máy điện nước số 3 (COMA3)	*41.882.768.212*	*(28.783.659.370)*	*41.882.768.212*	*(28.783.659.370)*
+ Công ty Cổ phần COMA18	*21.645.227.969*	-	*22.645.227.969*	-
+ Sở Tài chính Hà Nội (Nộp tiền đặc cọc sử dụng khu đô thị Cầu Giấy)	-	-	*7.636.000.000*	-
+ Công ty CP Xây lắp và Thương mại (COMA 25)	*2.151.270.689*	-	*2.351.270.689*	-
+ Phải thu đội thi công Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp điện nước (Comael)	*8.370.995.736*	-	*15.221.034.895*	-
+ Phải thu đối tượng khác	*17.448.283.833*	*(10.915.397.533)*	*37.338.692.956*	*(10.915.397.533)*
Tạm ứng	20.412.319.454	(5.322.951.447)	20.656.793.366	(5.322.951.447)
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.146.537.870	-	2.665.101.911	-
Dài hạn	-	-	**902.308.859**	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	902.308.859	-
Tổng	**150.199.567.913**	**(81.164.172.500)**	**188.291.363.007**	**(82.014.172.500)**
Trong đó:				
Phải thu các bên liên quan *(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)*	***312.769.803***	-	***312.769.803***	-

5.6 Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Tổng công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP	79.761.661	79.761.661
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp điện nước (Comael)	1.389.485.642	1.389.485.642
Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai (Coma 8)	597.596.491	597.596.491
Tổng	**2.066.843.794**	**2.066.843.794**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.7 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/06/2025			01/01/2025 (Trình bày lại)		
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá có thể thu hồi	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá có thể thu hồi
Tổng thầu (EPC) liên danh nhà thầu SINOMA - BAT	34.472.561.394	(34.472.561.394)	-	34.472.561.394	(34.472.561.394)	-
Công ty CP Xây dựng và lắp máy điện nước số 3 (COMA3)	42.566.517.180	(29.467.408.338)	13.099.108.842	42.566.517.180	(29.467.408.338)	13.099.108.842
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp số 7 (COMA7)	41.188.601.359	(40.653.739.747)	534.861.612	42.038.601.359	(41.503.739.747)	534.861.612
Các đối tượng khác	103.413.714.241	(74.713.105.430)	28.700.608.811	103.413.714.241	(73.863.105.430)	29.550.608.811
Tổng	**221.641.394.174**	**(179.306.814.909)**	**42.334.579.265**	**222.491.394.174**	**(179.306.814.909)**	**43.184.579.265**

5.8 Hàng tồn kho

	30/06/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.948.139.267	(532.051.451)	9.710.329.181	(532.051.451)
Công cụ, dụng cụ	150.786.824	(3.402.556)	128.245.036	(3.402.556)
Chi phí SXKDDD (i)	324.331.870.437	-	328.096.883.079	-
Thành phẩm	2.697.489.660	-	2.939.941.743	-
Hàng hóa bất động sản (ii)	3.511.726.377	-	3.511.726.377	-
Hàng gửi bán	32.899.520	-	1.299.428.134	-
Tổng	**342.672.912.085**	**(535.454.007)**	**345.686.553.550**	**(535.454.007)**

(i): Trong đó chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dự án bất động sản của Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất Nhập khẩu và Dịch vụ Phát triển Nông thôn tại ngày 30/6/2025 và ngày 01/01/2025 lần lượt là 245.944.922.987 đồng và 244.616.754.890 đồng.

(ii): Hàng hóa bất động sản là giá trị 01 căn liền kề tại dự án Skylight Minh Khai.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2025	**329.705.515.537**	**51.861.195.857**	**14.609.297.143**	**10.273.481.433**	**51.679.183**	**406.501.169.153**
Tăng trong kỳ	**263.317.783**	**-**	**332.367.000**	**-**	**-**	**595.684.783**
Mua trong kỳ	-	-	332.367.000	-	-	332.367.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	263.317.783	-	-	-	-	263.317.783
Giảm trong kỳ	**-**	**-**	**964.000.000**	**-**	**-**	**964.000.000**
Giảm do hợp nhất	-	-	964.000.000	-	-	964.000.000
Số dư tại 30/06/2025	**329.968.833.320**	**51.861.195.857**	**13.977.664.143**	**10.273.481.433**	**51.679.183**	**406.132.853.936**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2025	**130.035.884.311**	**48.657.546.685**	**14.388.371.258**	**9.982.328.335**	**51.679.183**	**203.115.809.772**
Tăng trong kỳ	**5.239.688.284**	**427.940.839**	**33.896.336**	**55.709.252**	**-**	**5.757.234.711**
Khấu hao trong kỳ	5.239.688.284	427.940.839	33.896.336	55.709.252	-	5.757.234.711
Giảm trong kỳ	**-**	**-**	**991.905.699**	**-**	**-**	**991.905.699**
Giảm do hợp nhất	-	-	991.905.699	-	-	991.905.699
Số dư tại 30/06/2025	**135.275.572.595**	**49.085.487.524**	**13.430.361.895**	**10.038.037.587**	**51.679.183**	**207.881.138.784**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2025	**199.669.631.226**	**3.203.649.172**	**220.925.885**	**291.153.098**	**-**	**203.385.359.381**
Tại ngày 30/06/2025	**194.693.260.725**	**2.775.708.333**	**547.302.248**	**235.443.846**	**-**	**198.251.715.152**

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản vay tại ngày 30/6/2025 là 126.773.917.730 VND (tại ngày 01/01/2025 là 35.633.351.286 VND).

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2025 là 111.311.858.029 VND (tại ngày 01/01/2025 là 107.728.610.610 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, tên thương mại	Phần mềm tin học	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2025	**27.860.977.260**	**650.000.000**	**208.450.000**	**108.160.320**	**28.827.587.580**
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm do hợp nhất	-	-	-		-
Số dư tại ngày 30/06/2025	**27.860.977.260**	**650.000.000**	**208.450.000**	**108.160.320**	**28.827.587.580**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2025	**4.916.651.719**	**650.000.000**	**205.481.224**	**108.160.320**	**5.880.293.263**
Tăng trong kỳ	**21.399.920**	-	**2.968.776**	-	**24.368.696**
Khấu hao trong kỳ	21.399.920	-	2.968.776	-	24.368.696
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm do hợp nhất	-	-	-		-
Số dư tại ngày 30/06/2025	**4.938.051.639**	**650.000.000**	**208.450.000**	**108.160.320**	**5.904.661.959**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2025	**22.944.325.541**	-	**2.968.776**	-	**22.947.294.317**
Tại ngày 30/06/2025	**22.922.925.621**	-	-	-	**22.922.925.621**

Nguyên giá của TSCĐ vô hình bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2025 là 2.129.509.320 VND (tại ngày 01/01/2025 là 2.129.509.320 VND).

5.11 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
a. Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	**1.743.917.180**	-	-	**1.743.917.180**
- Nhà	1.743.917.180	-	-	1.743.917.180
Giá trị hao mòn lũy kế	**1.243.059.434**	-	-	**1.243.059.434**
- Nhà	1.243.059.434	-	-	1.243.059.434
Giá trị còn lại	**500.857.746**	-	-	**500.857.746**
- Nhà	500.857.746	-	-	500.857.746

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là phần diện tích Nhà cửa vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê tại Công ty con.

- Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính (thời gian khấu hao phân bổ 07-10 năm).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cần được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Tại ngày 30/6/2025, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư, chưa trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty, tuy nhiên dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này và giá trị thị trường, Tổng Công ty đánh giá rằng giá trị thị trường của các bất động sản đầu tư này đang cao hơn giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.12 Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	**2.598.766.083**		**2.598.766.083**	
Dự án nút giao Long Biên -Hà Nội	*2.301.606.161*		*2.301.606.161*	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dự án Coma 1	*297.159.922*		*297.159.922*	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	**723.927.546**	**723.927.546**	**723.927.546**	**723.927.546**
Công trình dự án 11E6 Phạm Hùng	*191.052.531*	*191.052.531*	*191.052.531*	*191.052.531*
Công trình đường nước sạch 71 Cổ Bi	*60.000.000*	*60.000.000*	*60.000.000*	*60.000.000*
Xây dựng cơ bản dở dang Coma 2	*472.875.015*	*472.875.015*	*472.875.015*	*472.875.015*
Tổng	**3.322.693.629**	**723.927.546**	**3.322.693.629**	**723.927.546**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

Đơn vị tính: VND

5.13 Đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		30/06/2025		01/01/2025	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo Phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo Phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			**20.877.845.538**	**11.487.105.262**	**20.877.845.538**	**11.487.105.262**
Công ty Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	31,00%	31,00%	1.836.527.663	1.674.817.511	1.836.527.663	1.674.817.511
Công ty Cổ phần Cơ khí và Đầu tư xây dựng số 9	20,00%	20,00%	11.044.119.443	9.812.287.751	11.044.119.443	9.812.287.751
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17) (i)	48,39%	48,39%	7.997.198.432	-	7.997.198.432	-
Tổng			**20.877.845.538**	**11.487.105.262**	**20.877.845.538**	**11.487.105.262**

	Tỷ lệ		30/06/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác			**3.465.047.311**		**(1.134.906.966)**	**13.703.269.236**		**(1.134.906.966)**
Công ty CP COMA Đầu tư kinh doanh Bất động Sản (COMARE)			562.478.011	(i)	(562.478.011)	562.478.011	(i)	(562.478.011)
Công ty CP Cơ khí xây dựng số 10	5,00%	5,00%	500.000.000	(i)	-	500.000.000	(i)	-
Công ty CP Thủy điện Hương Sơn (ii)	0,42%	0,42%	1.107.569.300	3.603.851.700	-	1.107.569.300	2.854.536.000	-
Công ty CP Tư vấn xây dựng và Phát triển cơ khí	5,00%	5,00%	500.000.000	(i)	(23.878.955)	500.000.000	(i)	(23.878.955)
Công ty cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA 25						10.238.221.925	(i)	-
Công ty cổ phần Xi măng Hồng Phong			795.000.000	(i)	(548.550.000)	795.000.000	(i)	(548.550.000)
Tổng			**3.465.047.311**		**(1.134.906.966)**	**13.703.269.236**		**(1.134.906.966)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.13 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(i) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư khác do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn được xác định theo giá trị niêm yết (Tổng Công ty nắm giữ 118.939 cổ phiếu) tại ngày 30/6/2025 là 3.603.851.700 đồng (Tại ngày 31/12/2024 là 2.854.536.000 đồng).

(iii) Trong kỳ, Tổng Công ty thực hiện thoái vốn các đơn vị có vốn góp của Tổng Công ty theo Văn bản số 2536/BXD-KHTC ngày 16/6/2023 của Bộ Xây dựng về Đề án cơ cấu lại Tổng Công ty Cơ khí xây dựng - CTCP giai đoạn 2021-2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.14 Chi phí trả trước

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	**3.189.597.358**	**164.608.475**
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	14.950.000	-
Chi phí mua bảo hiểm	-	19.096.724
Chi phí thuê đất	3.004.471.093	-
Chi phí khác chờ phân bổ	170.176.265	145.511.751
Dài hạn	**28.683.974.444**	**12.921.543.525**
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	641.986.805	536.215.345
Chi phí sửa chữa	671.539.165	787.006.663
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp	13.490.967.273	515.281
Phí dịch vụ khu công nghiệp Quang Minh	3.028.131.410	-
Tiền thuế bị truy thu, tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, phạt chậm nộp thuế (i)	8.973.730.265	10.255.691.733
Chi phí khác	1.877.619.526	1.342.114.503
Tổng	**31.873.571.802**	**13.086.152.000**

5.15 Phải trả người bán

	30/06/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	**99.878.077.039**	**99.878.077.039**	**109.781.106.789**	**109.781.106.789**
Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng số 26	1.258.012.085	1.258.012.085	5.758.012.085	5.758.012.085
Phải trả cho các đối tượng khác	98.620.064.954	98.620.064.954	104.023.094.704	104.023.094.704
Tổng	**99.878.077.039**	**99.878.077.039**	**109.781.106.789**	**109.781.106.789**

5.16 Người mua trả tiền trước

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	**167.452.150.586**	**170.387.866.977**
Khách hàng mua bất động sản dự án khu nhà ở Decoimex mở rộng	145.860.615.644	143.255.485.644
Các khoản người mua trả tiền trước khác	21.591.534.942	27.132.381.333
Tổng	**167.452.150.586**	**170.387.866.977**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.17 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2025
Phải nộp	**102.176.579.665**	**17.655.048.928**	**14.625.686.712**	**105.205.941.881**
Thuế giá trị gia tăng	21.362.254.989	5.138.388.288	6.041.516.750	20.459.126.527
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.310.761.803	399.440.302	1.029.140.812	1.681.061.293
Thuế thu nhập cá nhân	405.800.777	296.503.390	297.024.069	405.280.098
Thuế tài nguyên	166.400	-	46.400	120.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	19.524.014.428	10.975.122.148	6.294.519.389	24.204.617.187
Thuế bảo vệ môi trường và thuế khác	46.269.428	21.220.507	19.000.000	48.489.935
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	58.527.311.840	824.374.293	944.439.292	58.407.246.841
Phải thu	**2.543.987.154**	-	**202.350.803**	**2.746.337.957**
Thuế giá trị gia tăng	400.178	-	-	400.178
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.536.701.727	-	200.000.001	2.736.701.728
Thuế thu nhập cá nhân	5.882.669	-	-	5.882.669
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.002.580	-	2.350.802	3.353.382

5.18 Chi phí phải trả

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	**174.678.846.805**	**181.922.159.369**
Trích trước chi phí lãi vay	13.772.315.436	13.772.315.436
Trích trước chi phí dự án tòa nhà Skylight	12.855.180.917	12.855.180.917
Trích trước chi phí các công trình	2.514.876.243	9.838.967.349
Tiền sử dụng đất dự án tại Công ty TNHH MTV Sản xuất - XNK và dịch vụ phát triển Nông thôn (i)	136.995.808.755	137.595.808.755
Trích trước chi phí khác	8.540.665.454	7.859.886.912
Dài hạn	**3.085.652.625**	-
Chi phí khác	3.085.652.625	-
Tổng	**177.764.499.430**	**181.922.159.369**

(i): Theo Quyết định số 294/QĐ-UBND của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 14/02/2020 về việc phê duyệt đơn giá đất để tính tiền sử dụng đất của dự án Khu nhà ở Decoimex mở rộng tại phường 6 và phường 9, thành phố Vũng Tàu và Thông báo 89908/TB-CCTKV của Chi Cục thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo ngày 07/03/2025 thông báo tiền sử dụng đất và tiền chậm nộp đến ngày 28/02/2025 là 262.653.033.666 VND trong đó tiền sử dụng đất còn nợ là 134.969.590.675 VND và tiền chậm nộp là 127.683.442.991 VND. Tuy nhiên, Công ty chưa chấp nhận nộp khoản tiền sử dụng đất nợ và tiền chậm nộp do Chi cục thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo tính tiền sử dụng đất trên cả diện tích công cộng và Công ty đã có Văn bản phản hồi đến cơ quan thuế. Do vậy, số liệu liên quan tiền sử dụng đất này được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo Quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.19 Phải trả khác

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	**158.261.970.028**	**191.043.818.416**
Kinh phí công đoàn	3.433.551.044	4.133.108.294
Bảo hiểm xã hội	22.946.045.030	25.281.165.283
Bảo hiểm y tế	241.640.183	263.396.817
Bảo hiểm thất nghiệp	104.179.756	91.486.310
Phải trả về cổ phần hóa	162.037.098	700.615.110
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	672.084.000	3.671.084.000
Phải trả, phải nộp khác	130.702.432.917	156.902.962.602
Lợi nhuận phải trả thành phố - dự án Skylight (i)	*60.298.264.897*	*60.298.264.897*
Phí bảo trì chung cư Skylight	*1.415.521.845*	*2.015.521.845*
Huy động vốn mua nhà liền kề	*2.677.500.000*	*2.677.500.000*
Huy hộng vốn mua cổ phần xi măng Đồng Bành	*4.444.000.000*	*4.505.000.000*
Huy động vốn Thủy điện Hương Sơn	*560.000.000*	*560.000.000*
Tiền lãi phải trả huy động vốn cá nhân	*4.182.117.298*	*3.362.079.147*
Phải thu các xí nghiệp theo tỷ lệ giao khoán	*15.344.631.504*	*30.172.925.589*
Tiền sử dụng đất dự án Skyline phải nộp bổ sung	*26.873.546.977*	*26.873.546.977*
Phải trả, phải nộp khác	*14.906.850.396*	*26.438.124.147*
Dài hạn	**10.591.456.000**	**10.136.464.408**
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	10.591.456.000	10.136.464.408
Công ty cổ phần Đại Lực Quang Minh	*7.375.640.000*	*7.375.640.000*
Các khoản ký quỹ khác	*3.215.816.000*	*2.760.824.408*
Tổng	**168.853.426.028**	**201.180.282.824**
Trong đó:		
Phải trả các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	***721.608.000***	***721.608.000***

(i) Là khoản phân chia lợi nhuận dự án "khu nhà ở cao cấp Skylight" theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 26/02/2024 và Nghị quyết số 40/NQ-HĐQT ngày 25/11/2024 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Cơ khí xây dựng. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, dự án Skylight đã có phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành nhưng chưa thống nhất được với thành phố về đơn giá tiền sử dụng đất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.20 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2025 (VND)		Phát sinh trong kỳ		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	**97.267.225.938**	**75.639.055.484**	**61.278.964.405**	**68.395.446.966**	**104.383.708.499**	**82.755.538.045**
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hà Đông (1)	15.876.230.159	15.876.230.159	21.669.692.059	22.102.306.361	16.308.844.461	16.308.844.461
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	767.805.774	767.805.774	767.805.774	-	-	-
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang (2)	12.995.627.754	12.995.627.754	9.771.010.657	9.771.009.857	12.995.626.954	12.995.626.954
Ngân hàng Quân đội - CN Bắc Giang (3)	19.040.122.600	19.040.122.600	13.555.864.661	13.555.864.661	19.040.122.600	19.040.122.600
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CNThái Bình	-	-	-	1.572.107.240	1.572.107.240	1.572.107.240
Quỹ Khoa học Công nghệ - Bộ Xây dựng (4)	4.500.000.000	4.500.000.000	-	700.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000
Bộ Xây dựng (5)	761.000.000	-			761.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (6)	20.867.170.454	-	-	-	20.867.170.454	-
Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam (7)	5.120.000.000	5.120.000.000	7.484.603.648	7.484.603.648	5.120.000.000	5.120.000.000
Các khoản vay cá nhân (8)	17.339.269.197	17.339.269.197	8.029.987.606	13.209.555.199	22.518.836.790	22.518.836.790
Vay dài hạn	**47.560.260.313**	**47.560.260.313**	**3.711.583.602**	-	**43.848.676.711**	**43.848.676.711**
Quỹ dự trữ tài chính tỉnh Thái Bình (9)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Vốn khuyến nông (10)	300.000.000	300.000.000	-	-	300.000.000	300.000.000
Sở khoa học công nghệ môi trường (11)	180.000.000	180.000.000	-	-	180.000.000	180.000.000
Công ty Cổ phần ATOP Việt Nam (12)	32.688.260.313	32.688.260.313	3.711.583.602	-	28.976.676.711	28.976.676.711
Công ty Cổ phần Đại Lực Quang Minh (12)	13.392.000.000	13.392.000.000	-	-	13.392.000.000	13.392.000.000
Tổng	**144.827.486.251**	**123.199.315.797**	**64.990.548.007**	**68.395.446.966**	**148.232.385.210**	**126.604.214.756**
Trong đó, Vay các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh số 7.1	***6.057.900.000***	***6.057.900.000***	***499.999.999***	***1.199.999.999***	***6.757.900.000***	***6.757.900.000***

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.20 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn (Tiếp theo)

(1) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 0413/2024/HDHM-PN/SHB.112000 ngày 06/12/2024 giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội và Tổng Công ty Cơ khí xây dựng - CTCP. Hạn mức cấp tín dụng tối đa 40 tỷ đồng, trong đó hạn mức cho vay, bảo lãnh thanh toán đối với Tổng Công ty Cơ khí xây dựng - CTCP và Nhà máy Cơ khí Quang Minh là 20 tỷ đồng; hạn mức bảo lãnh (dự thầu, thực hiện hợp đồng, quyết toán) đối với Tổng Công ty Cơ khí xây dựng - CTP và Nhà máy cơ khí Quang Minh là 20 tỷ đồng, trong đó bảo lãnh tạm ứng tối đa 13 tỷ. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tiền tạm ứng và bảo lãnh bảo hành để thực hiện hoạt động kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng (từ ngày 06/12/2024 đến ngày 06/12/2025). Thời hạn cho vay của mỗi khoản vay được quy định cụ thể tại các khế ước nhận nợ nhưng tối đa 09 tháng. Lãi suất: Quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ. Biện pháp đảm bảo là tài sản gắn liền với đất "Nhà điều hành sản xuất, giới thiệu sản phẩm và văn phòng làm việc có quy mô BTCT 14 tầng + áp mái" tạo địa chỉ: 125D Minh Khai, phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO888906, số vào sổ cấp GCN:777 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 06/11/2013.

(2) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 012/24/HM/BG/KHDN ngày 26/04/2024 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung giữa ngân hàng Vietcombank - CN Bắc Giang và Công ty COMA 2. Hạn mức cho vay tối đa là: 13.000.000.000 VND. Thời hạn vay: Tối đa đến hết ngày 26/07/2025. Mục đích vay: tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Lãi suất: 6,8% và thay đổi theo từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp số 196/13/HĐTC/BG ngày 19/07/2013 và các hợp đồng sử đổi, bổ sung khác; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng số 061/16/HĐTC/BG ngày 02/02/2016 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung khác; các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn; hàng hóa, quyền phải thu phát sinh từ các hợp đồng/ phương án Ngân hàng cấp tín dụng.

(3) Hợp đồng cấp tín dụng số 250908.24.761.1786476.TD giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội và Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc ngày 15/10/2024. Tổng giá trị hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 VND, hạn mức cho vay là: 20.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh thanh toán là 20.000.000.000 VND, hạn mức ngoài bảo lãnh là: 20.000.000.000 VND. Giá trị HMTD đã bao gồm số dư các khoản tín dụng của Khách hàng theo Hợp đồng cấp tín dụng số 161264.23.761.1786476.TD ngày 21/09/2023. Thời hạn cấp HMTD: từ ngày ký kết Hợp đồng này đến hết ngày 10/10/2025. Lãi suất cố định: theo văn bản nhận nợ, lãi suất thả nổi: được quy định tại văn bản nhận nợ giữa MB và khách hàng. Mục đích sử dụng vốn vay: Phục vụ hoạt động gia công, chế tạo, lắp đặt kết cấu thép và các thiết bị công nghiệp của khách hàng. Biện pháp bảo đảm: Hàng hóa, quyền đòi nợ hình thành từ Phương án MB tài trợ theo Hợp đồng thế chấp số 161276.23.761.1786476.BD ngày 21/09/2023 giữ MB và Bên thế chấp; Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng thuê đất số 2071/HĐTĐ ngày 23/08/2018 giữa Khách hàng và Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Số phát hành: DB 416448; Số vào sổ cấp giấy: CS02390/Q03; Vào sổ địa chính trang số 06; Quyển số 26 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 09/11/2021. Bất động sản là công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ Thôn Tân Văn, Xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Số phát hành: DB 416448; Số vào sổ cấp giấy: CS02390/Q03; Vào sổ địa chính trang số 06; Quyển số 26 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 09/11/2021.

(4) Vay quỹ Khoa học Công nghệ Bộ Xây dựng phát sinh từ năm 1995 để triển khai các dự án tại thời điểm phát sinh khoản vay.

(5) Công ty chưa tìm được hồ sơ và chưa xác định được nội dung cụ thể của khoản vay này do thời gian đã quá lâu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.20 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn (Tiếp theo)

(6) Hợp đồng tín dụng ngân hàng hạn mức số 04/04/HĐ ngày 10/5/2004 giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bắc Hà Nội và Công ty Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước số tiền hạn mức tối đa là 27.000.000.000 đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động thường xuyên phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay tối đa 09 tháng cho mỗi khoản rút vốn vay. Lãi suất được quy định trong từng hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn cụ thể. Biện pháp đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản thuộc quyền quản lý sử dụng của Công ty tại Bồ Đề - Long Biên - Hà Nội theo hợp đồng thế chấp số 01/03/HĐ ngày 26/3/2003. Khoản vay đã được ngân hàng khoanh nợ nhưng Công ty vẫn không có khả năng thanh toán số công nợ này.

(7) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 160753.01609/2023/HĐTD ngày 16/05/2023 với Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) - Chi nhánh Bắc Giang. Hạn mức tín dụng là tổng dư nợ và số dư tối đa của các khoản cho vay, phát hành thư tín dụng (L/C), chiết khấu, bảo lãnh hoặc các khoản tín dụng khác mà MSB cấp cho Khách hàng là 6.400.000.000 đồng. Hạn mức cơ sở: 6.400.000.000 đồng gồm cho vay ngắn hạn (thanh toán trong nước hoặc thanh toán hàng nhập khẩu): 5.120.000.000 đồng; bảo lãnh ngân hàng: 6.400.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 36 tháng kể từ ngày 09/05/2023. Mục đích cấp tín dụng: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh/phát hành bảo lãnh/LC của doanh nghiệp. Biện pháp đảm bảo: Hợp đồng thế chấp và các Phụ lục khác kèm theo (nếu có) đối với Bất động sản tại Thửa đất số: 25-N08, tờ bản đồ số: Theo sơ đồn Quy hoạch phân lô, địa chỉ: Khu tái định cư dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc, phường Thọ Xương, Bắc Giang; Hợp đồng thế chấp và các Phụ khác kèm theo (nếu có) đối với Bất động sản tại Thửa đất số: Lô số 34-N16, tờ bản đồ số: Theo sơ đồ phân lô, địa chỉ: Khu dân cư Cống Ngóc - Bến xe, phường Thọ Xương, Bắc Giang. COMA 2 có văn bản ủy quyền đồng ý cho chi nhánh phụ thuộc: Nhà máy cơ khí Coma2.3 - chi nhánh Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc sử dụng hạn mức của Công ty được phê duyệt tại MSB. Số dư tại mọi thời điểm không quá 3.000.000.000 đồng.

(8) Vay ngắn hạn các cá nhân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất từ 8,5%/năm đến 11,5%/năm, thời hạn vay từ 03 đến 06 tháng và được tự động gia hạn. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(9) Thông báo số 516/VP1 ngày 09 tháng 10 năm 1996 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt cho Sở Tài chính vật giá cấp vốn vay cho Công ty cổ phần Cơ khí và Xây dựng Thái Bình. Số tiền vay Ngân sách 1.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay không quá 2 năm. Mục đích vay vốn: Dùng vào việc vận chuyển và lắp đặt thiết bị. Lãi suất: 0,7%/tháng.

(10) Thông báo số 785/CV-UB ngày 13 tháng 11 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt cho Sở Tài chính vật giá cấp vốn vay cho Công ty cổ phần Cơ khí và Xây dựng Thái Bình. Số tiền vay Ngân sách 300.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 3 năm. Mục đích vay vốn: để đầu tư thiết bị sản xuất khay nhựa làm mạ ném, phục vụ sản xuất nông nghiệp.

(11) Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ số 362/HD ngày 17 tháng 12 năm 1996 giữa Sở khoa học Công nghệ và Môi trường và Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Thái Bình. Kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách SNKH Trung ương: 700 triệu đồng. Kinh phí thu hồi: 560 triệu đồng. Thời hạn thu hồi: 06/1999. Mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án " Sản xuất máy cày 2 bánh".

5.20 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn (Tiếp theo)

(12) Theo biên bản thỏa thuận về việc hợp tác ứng vốn để đầu tư dự án "Xây dựng kho, xưởng và hạ tầng kỹ thuật Nhà máy chế tạo thiết bị nâng chuyền" ngày 31/10/2023 giữa Tổng Công ty Cơ khí xây dựng - CTCP (bên A), CTCP Đại Lực Quang Minh (bên B) và CTCP ATOP Việt Nam (bên C). Các bên thống nhất ký Biên bản thỏa thuận về việc bên B hợp tác với bên C để ứng vốn đầu tư dự án tại lô số 4, KCN Quang Minh, thành phố Hà Nội để nhận quyền khai thác thuê kho, xưởng và hạ tầng kỹ thuật của dự án sau khi hoàn thành. Tổng giá trị ứng vốn là 89.448.000.000 đồng, tỷ lệ ứng vốn bên B là 40%, bên C là 60%. Bên A có trách nhiệm ghi nhận toàn bộ số tiền mà bên B và bên C ứng vốn là khoản tiền vay. Lãi suất cố định vay trong 03 năm đầu là 8%/năm, lãi suất các năm tiếp theo được quy định cụ thể tại các hợp đồng vay vốn. Bên A cam kết nguồn tiền và kỳ hạn trả nợ cho khoản vay trên là nguồn doanh thu và kỳ hạn thanh toán như quy định của Hợp đồng thuê kho xưởng số 1323/HĐTX/2023/COMA28-DAILUC ký ngày 01/3/2023, tỷ lệ % doanh thu dùng trả nợ cụ thể như sau: Hai năm đầu, sử dụng 100% doanh thu tiền thuê kho để trả nợ khoản vay và lãi vay của kỳ thanh toán; Các năm tiếp theo, sử dụng 60% doanh thu để trả nợ khoản vay và lãi vay của kỳ thanh toán.

5.21 Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	**238.500.000.000**	**(7.239.335.640)**	**8.310.334.940**	**10.946.368.209**	**149.953.433**	**(334.201.288.468)**	**64.000.000**	**2.685.463.387**	**(80.784.504.139)**
Lãi/Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	37.288.263.308	-	(1.568.072.510)	35.720.190.798
Thoái vốn công ty con thành công ty liên kết	-	636.074.289	(1.107.711.371)	-	(149.953.433)	10.864.620.364	-	1.804.769.829	12.047.799.678
Nộp về quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-	-	(8.000.000.000)	-	-	-	-	(8.000.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	53.271.682	-	-	(53.271.682)	-	-	-
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(35.253.873)	-	(33.360.281)	(68.614.154)
Số dư tại 31/12/2024	**238.500.000.000**	**(6.603.261.351)**	**7.255.895.251**	**2.946.368.209**	**-**	**(286.136.930.351)**	**64.000.000**	**2.888.800.425**	**(41.085.127.817)**
Số dư tại 01/01/2025	**238.500.000.000**	**(6.603.261.351)**	**7.255.895.251**	**2.946.368.209**	**-**	**(286.136.930.351)**	**64.000.000**	**2.888.800.425**	**(41.085.127.817)**
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	3.658.568.479	-	848.342.908	4.506.911.387
Nộp về quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-	-	(2.946.368.209)	-	-	-	-	(2.946.368.209)
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	8.419.976	-	-	(8.419.976)	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(32.893.466)	-	(31.126.659)	(64.020.125)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	(1.869.232.905)	-	2.249.971.498	380.738.593
Số dư tại 30/06/2025	**238.500.000.000**	**(6.603.261.351)**	**7.264.315.227**	**-**	**-**	**(284.388.908.219)**	**64.000.000**	**5.955.988.172**	**(39.207.866.171)**

(i): Trong kỳ, Công ty con là Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 - Hà Bắc (Coma 2) phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.21 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Vốn góp của Nhà nước (Bộ Xây dựng)	235.552.000.000	235.552.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	2.948.000.000	2.948.000.000
Tổng	**238.500.000.000**	**238.500.000.000**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	238.500.000.000	238.500.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	238.500.000.000	238.500.000.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**23.850.000**	**23.850.000**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	**23.850.000**	**23.850.000**
Cổ phiếu phổ thông	23.850.000	23.850.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**23.850.000**	**23.850.000**
Cổ phiếu phổ thông	23.850.000	23.850.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	56.205.744.198	13.056.959.874
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.210.886.381	25.918.308.879
Doanh thu lắp đặt, chế tạo	21.499.667.950	49.574.437.510
Doanh thu Hợp đồng xây dựng	17.953.612.960	6.741.458.913
Doanh thu khác	341.445.446	1.070.615.284
Tổng	**131.211.356.935**	**96.361.780.460**
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan	***246.362.014***	***136.599.555***
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)		

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Giá vốn hàng hóa thành phẩm	57.168.519.449	10.086.033.020
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.226.362.303	11.841.432.997
Giá vốn lắp đặt, chế tạo	14.325.653.517	41.684.780.452
Giá vốn hợp đồng xây dựng	18.295.195.006	7.749.203.263
Giá vốn khác	85.067.436	883.341.404
Tổng	**101.100.797.711**	**72.244.791.136**

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	112.885.149	164.671.416
Lãi bán các khoản đầu tư	2.078.151.738	1.860.461.161
Cổ tức, lợi nhuận được chia	237.878.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	52.839
Tổng	**2.428.914.887**	**2.025.185.416**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Chi phí lãi vay	4.991.640.154	6.642.916.633
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	1.677.189
Tổng	**4.991.640.154**	**6.644.593.822**
Trong đó:		
Chi phí tài chính với các bên liên quan *(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)*	***99.167.000***	***126.173.000***

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Chi phí bán hàng	**891.979.426**	**1.034.015.744**
Chi phí nhân viên	188.751.609	364.822.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài	637.753.871	607.598.585
Chi phí bằng tiền khác	65.473.946	61.594.405
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**19.471.213.877**	**17.266.673.799**
Chi phí nhân viên quản lý	11.604.869.499	9.430.678.208
Chi phí vật liệu quản lý	333.699.412	356.911.874
Chi phí đồ dùng văn phòng	325.377.015	363.602.962
Chi phí khấu hao TSCĐ	699.679.568	604.343.565
Thuế phí và lệ phí	2.863.701.415	3.632.563.945
Chi phí dự phòng	-	(471.663.220)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	878.079.663	802.186.359
Chi phí bằng tiền khác	2.765.807.305	2.548.050.106
Tổng	**20.363.193.303**	**18.300.689.543**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	59.208.182
Hoàn nhập trích trước chi phí	322.052.269	-
Thu nhập khác	549.352.187	569.029.258
Tổng	**871.404.456**	**628.237.440**
Chi phí khác		
Tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	2.704.523.917	904.313.168
Chi phí khác	462.589.466	1.372.187.545
Tổng	**3.167.113.383**	**2.276.500.713**
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	**(2.295.708.927)**	**(1.648.263.273)**

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	382.020.340	97.295.472
Tổng	**382.020.340**	**97.295.472**

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	**3.658.568.479**	**945.311.607**
Các khoản điều chỉnh		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm *(Trích quỹ khen thưởng phúc lợi)*	-	*32.893.466*
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông (i)	**3.658.568.479**	**912.418.141**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	23.850.000	23.850.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**153**	**38**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

(i) Tại ngày Báo cáo, Tổng Công ty và các Công ty con chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng người quản lý. Nếu Tổng Công ty và các Công ty con trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông Công ty mẹ và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Tổng Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty con là Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 - Hà Bắc (Coma 2) đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được trừ đi ½ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi và được trình bày lại như sau:

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (Trình bày lại)	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (Đã trình bày)	Chênh lệch
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**(548.667.370)**	**(548.667.370)**	-
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(1.493.978.977)	(1.493.978.977)	-
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	*(32.893.466)*	-	*(32.893.466)*
Lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	912.418.141	945.311.607	(32.893.466)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	23.850.000	23.850.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**38**	**40**	**(2)**

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.856.562.263	79.685.707.221
Chi phí nhân công	28.269.629.426	27.142.109.744
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.781.603.407	3.241.969.977
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.924.031.898	16.920.489.267
Chi phí khác bằng tiền	11.405.753.958	12.909.298.034
Chi phí dự phòng	(13.614.000)	(471.663.210)
Tổng	**103.223.966.952**	**139.427.911.033**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Bộ Xây dựng	Cơ quan chủ sở hữu
Công ty TNHH Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	Công ty liên doanh
Công ty CP Cơ khí và Đầu tư xây dựng số 9	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND (Trình bày lại)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Thù lao	76.800.000	81.600.000
Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác	Lương	1.494.024.209	1.187.703.938

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND (Trình bày lại)
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị			
Ông Đào Đức Thọ	Thành viên HĐQT	19.200.000	19.200.000
Ông Vũ Xuân Thắng	Thành viên HĐQT	19.200.000	19.200.000
Ông Lê Thế Thủy	Thành viên HĐQT	19.200.000	19.200.000
Thù lao thành viên Ban Kiểm soát			
Bà Đinh Thị Hương	Thành viên BKS	9.600.000	12.000.000
Bà Vũ Thị Thủy	Thành viên BKS	9.600.000	12.000.000
Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác			
Ông Trịnh Nam Hải	Chủ tịch HĐQT	194.240.545	144.049.716
Ông Đào Đức Thọ	Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT	191.363.295	148.581.818
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên HĐQT	156.023.182	127.831.364
Ông Vũ Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT	162.812.773	131.661.705
Ông Lê Thế Thủy	Phó Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT	163.257.091	117.227.159
Ông Nguyễn Hướng Dương	Phó Tổng Giám đốc	159.032.050	139.248.068
Ông Nguyễn Văn Sơn	Trưởng BKS	160.918.182	128.957.017
Bà Đinh Thị Hương	Thành viên BKS	66.855.323	50.256.818
Bà Vũ Thị Thủy	Thành viên BKS	74.765.427	57.044.932
Ông Nguyễn Ngọc Hải	Kế toán trưởng	164.756.341	142.845.341

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Bán hàng			**246.362.014**	**136.599.555**
Công ty LD đồng hồ nước Zenner-Coma	Công ty liên kết	Thuê VP và khác	246.362.014	136.599.555
Đi vay			**499.999.999**	**1.200.000.000**
Ông Nguyễn Ngọc Hải	Kế toán trưởng	Đi vay	499.999.999	1.200.000.000
Trả vay			**499.999.999**	**979.100.000**
Ông Nguyễn Ngọc Hải	Kế toán trưởng	Trả vay	499.999.999	979.100.000
Lãi vay			**99.167.000**	**126.173.000**
Ông Vũ Xuân Thắng	Thành viên HĐQT	Lãi vay	99.167.000	91.682.000
Ông Nguyễn Ngọc Hải	Kế toán trưởng	Lãi vay	-	34.491.000

c. Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan		30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng		**16.249.838**	**17.449.928**
Công ty TNHH liên doanh đồng hồ nước Zenner-Coma	Công ty liên kết	16.249.838	17.449.928
Trả trước cho người bán		**10.000.000**	-
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA17)	Công ty liên kết	10.000.000	-
Phải thu khác		**312.769.803**	**312.769.803**
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA17)	Công ty liên kết	254.257.000	254.257.000
Công ty Cơ khí và xây lắp số 9 (COMA9)	Công ty liên kết	58.512.803	58.512.803
Các khoản phải trả phải nộp khác		**721.608.000**	**721.608.000**
Ông Vũ Xuân Thắng	Thành viên HĐQT	721.608.000	721.608.000
Ông Nguyễn Ngọc Hải	Kế toán trưởng	-	-
Vay ngắn hạn		**6.057.900.000**	**6.757.900.000**
Bộ Xây dựng	Đơn vị Chủ sở hữu	4.500.000.000	5.200.000.000
Ông Vũ Xuân Thắng	Thành viên HĐQT	1.557.900.000	1.557.900.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

7.2 Báo cáo bộ phận

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động xây dựng	Hoạt động lắp đặt, chế tạo	Hoạt động bán hàng	Khác	Tổng
Doanh thu	35.210.886.381	17.953.612.960	21.499.667.950	56.205.744.198	341.445.446	131.211.356.935
Giá vốn	11.226.362.303	18.295.195.006	14.325.653.517	57.168.519.449	85.067.436	101.100.797.711
Doanh thu	**23.984.524.078**	**(341.582.046)**	**7.174.014.433**	**(962.775.251)**	**256.378.010**	**30.110.559.224**
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG						
Kết quả bộ phận	23.984.524.078	(341.582.046)	7.174.014.433	(962.775.251)	256.378.010	30.110.559.224
Doanh thu hoạt động tài chính						2.428.914.887
Chi phí tài chính						4.991.640.154
Phần lãi (lỗ) trong Công ty liên kết,liên doanh						-
Chi phí bán hàng						891.979.426
Chi phí quản lý doanh nghiệp						19.471.213.877
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD						(2.295.708.927)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						382.020.340
Lợi nhuận trong năm						**4.506.911.387**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động xây dựng	Hoạt động lắp đặt, chế tạo	Hoạt động bán hàng	Khác	Tổng
Doanh thu	25.918.308.879	6.741.458.913	49.574.437.510	13.056.959.874	1.070.615.284	96.361.780.460
Giá vốn	11.841.432.997	7.749.203.263	41.684.780.452	10.086.033.020	883.341.404	72.244.791.136
Lợi nhuận gộp từ kết quả kinh doanh	**14.076.875.882**	**(1.007.744.350)**	**7.889.657.058**	**2.970.926.854**	**187.273.880**	**24.116.989.324**
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG						
Kết quả bộ phận	14.076.875.882	(1.007.744.350)	7.889.657.058	2.970.926.854	187.273.880	24.116.989.324
Doanh thu hoạt động tài chính						2.025.185.416
Chi phí tài chính						6.644.593.822
Chi phí bán hàng						1.034.015.744
Chi phí quản lý doanh nghiệp						17.266.673.799
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD						(1.648.263.273)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						97.295.472
Lợi nhuận trong năm						**(548.667.370)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30/06/2025 như sau:

	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động xây dựng	Hoạt động lắp đặt, chế tạo	Hoạt động bán hàng	Khác	Tổng
TÀI SẢN						
Tài sản bộ phận	211.218.477.535	89.461.654.934	211.171.016.161	48.437.628.643	-	560.288.777.273
Tài sản không phân bổ						306.145.188.972
Tổng tài sản						**866.433.966.245**
NỢ PHẢI TRẢ						
Các khoản phải trả bộ phận	34.365.319.404	181.131.353.499	204.016.156.352	43.577.238.389	-	463.090.067.644
Nợ phải trả không thể phân bổ						439.675.157.450
Tổng nợ phải trả						**902.765.225.094**

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01/01/2025 như sau:

	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động xây dựng	Hoạt động lắp đặt, chế tạo	Hoạt động bán hàng	Khác	Tổng
TÀI SẢN						
Tài sản bộ phận	102.097.131.716	131.060.520.079	248.608.653.947	52.306.266.167	-	534.072.571.909
Tài sản không phân bổ						363.553.619.741
Tổng tài sản						**897.626.191.650**
NỢ PHẢI TRẢ						
Các khoản phải trả bộ phận	39.012.437.028	181.244.758.582	244.710.214.767	53.408.023.963	-	518.375.434.340
Nợ phải trả không thể phân bổ						417.459.277.805
Tổng nợ phải trả						**935.834.712.145**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Kiều Thị Nguyệt Nga	Nguyễn Ngọc Hải	Đào Đức Thọ